TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2020
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy,

2. Bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số /2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Đ, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Khu P, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Chị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh B vắng mặt, không có lý do).

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Mươi, sinh năm 1964; Trú tại: Khu P, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương; *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Uỷ ban nhân dân xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2006. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhà với mẹ

anh B tại thôn Đ, xã ĐQ, huyện G. Năm 2008 vợ chồng tôi thuê nhà ở riêng, chị phát hiện anh B sử dụng ma túy, rủ bạn bè về quán tụ tập và không còn quan tâm đến vợ con như trước. Chị đã can ngăn và khuyên bảo anh B nhưng anh không thay đổi, hai bên đánh cãi chửi nhau nhiều lần. Cũng từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh chị đi làm ăn xa nhà, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Anh chị sống ly thân từ tháng 10/2019. Chị và con trai sống tại nhà của mẹ đẻ chị ở thị trấn Th, huyện Th còn anh B ở thôn Đ, xã ĐQ, huyện G. Chị L xác định vợ chồng chị không còn tình cảm, không thể đoàn tụ nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh B để cả hai ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định chị và anh B có một con chung là Nguyễn HA, sinh ngày 03/12/2006. Hiện cháu HA đang ở cùng chị. Chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh B đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh B. Anh B đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án nhưng anh vắng mặt. Khi Tòa án triệu tập anh B làm việc với Tòa án tại trụ sở UBND xã ĐQ, anh B đã trình bày quan điểm của mình trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn là anh Nguyễn Văn B vào ngày 14/02/2020 thể hiện: Anh B xác định việc đăng ký kết hôn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Từ năm 2011 vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về kinh tế, chị L đi làm nhưng không cùng anh phát triển kinh tế chung mà thường gửi tiền về cho mẹ đẻ chị. Mặt khác, chị L không chung thủy với anh, có quan hệ tình cảm với người khác. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn HA, sinh ngày 03/12/2006. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng nếu chị L xin nuôi con anh nhất trí và anh sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị giải quyết.

Biên bản xác minh tại xã ĐQ thể hiện: Anh B và chị L kết hôn từ năm 2006 đến nay có một con chung. Sau lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, anh chị ở cùng nhà với mẹ anh B tại thôn Đ, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương; sau đó ra ở riêng. Trong quá trình chung sống, anh B và chị L có nhiều lần cãi chửi nhau vì lý do cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Khoảng một, hai năm trước, địa phương không thấy anh chị sống cùng nhau nữa. Anh B vẫn sinh sống ở thôn Đ, xã ĐQ, huyện G. Nay chị L làm đơn ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại trường Trung học cơ sở ĐQ, huyện Gia Lộc thể hiện: Cháu HA, sinh ngày 03/12/2006 là con của anh B và chị L đang học lớp 8A tại trường Trung học cơ sở ĐQ. Qua quá trình học tập, rèn luyện tại trường, từ năm học lớp 6 (năm 2016) đến nay, nhà trường thấy cháu HA phải tự chăm sóc bản thân, ít có sự quan tâm, chăm sóc của gia đình. Kết quả học tập của cháu HA từ năm học lớp 6 cho đến nay đều là học sinh có học lực trung bình/yếu, hạnh kiểm khá, thuộc nhóm yếu nhất của trường. Nhà trường được biết khoảng thời gian này, cháu HA ở cùng gia đình anh B tại thôn Đ, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương; từ cuối năm 2019 cháu Anh về ở cùng với chị L tại thị trấn Th cho đến nay. Nay bố mẹ của cháu HA giải quyết ly hôn tại Tòa án, đại diện nhà trường đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho cháu Anh được ở với mẹ cháu để cuộc sống của cháu được đảm bảo, cháu HA được chăm sóc tốt hơn.

Lời khai của bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh B và chị L theo bà được biết là do anh B sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng anh chị thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù mọi người đã khuyên anh B nhưng anh B không thay đổi. Từ năm 2011- 2014 anh chị sang nước ngoài làm ăn nhưng do công việc không thuận lợi, anh B vẫn mải chơi, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Anh B về nước trước, chị L về nước sau, vào khoảng tháng 10/2019 và đón cháu HA về ở cùng với bà cho đến nay. Anh B không một lần nào đến tìm gặp chị L và cháu HA. Nay chị L xin ly hôn anh B, bà cũng rất mong các con cháu sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên, bà thấy hôn nhân của chị L, anh B không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để cả hai cùng tìm cuộc sống mới phù hợp và đề nghị giao cháu HA cho chị L nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt và cuộc sống được đảm bảo. Bà sẽ giúp đỡ, hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc cháu HA.

Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị L, chị L giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B, được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Ngoài ra chị không đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày

25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn-chị Phạm Thị L. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh B; Về con chung: Giao cháu Nguyễn HA, sinh ngày 03/12/2006 cho chị L nuôi dưỡng cho đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn Đ, xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do; người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn B là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã ĐQ, huyện G, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh B và chị L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (ngày 20/12/2006).

Theo chị L, từ năm 2008 vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn do anh B chơi bời, không tu chí làm ăn, sử dụng trái phép chất ma túy và không quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình đã khuyên ngăn anh B rất nhiều nhưng anh B không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2011. Còn anh B xác định vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, chị L không chung thủy với anh, vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị L và con chung về nhà ngoại ở. Chị L xin ly hôn anh, anh nhất trí. Khi Tòa án triệu tập làm việc, ngày 14/02/2020 anh B mới đến trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L rồi tự ý bỏ về và không ký vào biên bản làm việc, cũng như

không có mặt trong các lần Tòa án triệu tập tiếp theo, thể hiện sự không tôn trọng pháp luật và thái độ bỏ mặc, không muốn vun đắp cho cuộc hôn nhân của anh chị, anh B nhất trí với nội dung khởi kiện của chị L. Qua đó, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị L và anh B không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng trên thực tế đã chấm dứt từ lâu đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L, anh B đều xác định anh chị có một con chung là Nguyễn HA, sinh ngày 03/12/2006. Khi ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị; anh B nhất trí để chị L nuôi con nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng của cháu HA muốn được ở với chị L.

Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ xác minh tại nhà trường nơi cháu HA học tập thể hiện kết quả học tập, rèn luyện của cháu HA từ năm học lớp 6 (năm 2016) cho đến nay (lớp 8) đều là học sinh có học lực trung bình/yếu, hạnh kiểm khá, thuộc nhóm học sinh yếu nhất của trường. Từ tháng 10/2019 chị L trực tiếp nuôi con chung, hai mẹ con chị ở cùng nhà với mẹ đẻ chị tại thị trấn Th, huyện Th, tỉnh hải Dương, cháu HA phát triển tốt hơn. Dựa trên quan điểm của chị L, anh B và nguyện vọng của cháu HA, quan điểm của các cơ quan, đoàn thể địa phương, để sự phát triển của cháu HA được đảm bảo, cần giao con chung là cháu HA, sinh ngày 03/12/2006 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); chị L tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B nhất trí nên Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Quá trình giải quyết, chị L và anh B đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn HA, sinh ngày 03/12/2006 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008654 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Uỷ ban nhân dân xã ĐQ, huyện G
để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Mai